

* *Người bị hại:* Ông Lê Anh N, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khóm Ng, thị trấn B, huyện V1, tỉnh Quảng Trị.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hồ Văn L, sinh năm 1949 và bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn K1, xã V, huyện V1, tỉnh Quảng Trị.

- Anh Phạm Ngọc L1, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố 9, phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị.

* *Người làm chứng:* Anh Lê Quý T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố 9, phường 1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Trần Viết T là cán bộ địa chính xã V, huyện V1 có quan hệ thân thiết với ông Hồ Văn L, trú tại thôn K1, xã V, huyện V1. Năm 2014, T mượn của ông L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng trồng tràm số AO 394339 do UBND huyện V1 cấp ngày 19/01/2009 với diện tích 46.628m² với mục đích thế chấp Ngân hàng vay tiền làm nhà. Ông L đồng ý và giao cho T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 16/3/2017, ông L đến UBND xã V nộp đơn xin chuyển đổi đất vườn, đất màu sang đất ở và đơn xin cấp đất nhà ở cho T. Sau khi tiếp nhận đơn của ông L, T đã nảy sinh ý định làm giả bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng trồng tràm diện tích 46.628m² của hộ gia đình ông L để bán cho người khác lấy tiền. Sau đó, T hướng dẫn ông L về kê khai thông tin các thành viên hộ gia đình của ông L.

Tháng 3/2017, T nhờ Phạm Ngọc L1, trú tại khu phố 9, phường Đ1, thành phố Đ2 (*do thân quen và trước đây L1 có thuê quán sửa xe của gia đình T*) đề giao dịch bán thửa đất rừng trồng tràm của hộ gia đình ông L, T đưa ra thông tin với L1 là đất này T mua năm 2009 và nhờ một chủ hộ người dân tộc đứng tên. T yêu cầu khi giao dịch L1 thay đổi tên là L2 nhà ở thị trấn C (*vì trước đây L1 có mở quán sửa xe ở thị trấn B, huyện V1 nên sợ bị phát hiện*). T cung cấp cho L1 thông tin diện tích đất là 46.628m² bán với giá 700.000.000 đồng, những người

mua hỏi vị trí thửa đất thì L1 căn cứ vào bản đồ do T cung cấp để trả lời hoặc hướng dẫn gặp T để T dẫn đi xem thực địa.

Tháng 3/2017, T thông tin cho Nguyễn Nhật N1, trú tại khóm 2, thị trấn B, Huyện V1, Quảng Trị có bạn tên là L1 (L2) đang có nhu cầu bán đất rừng trồng trà tại xã V giá 800.000.000 đồng.

Tháng 4/2017, N1 gặp và thông tin lại cho chị Nguyễn Thị Tr, trú tại khóm Ng, thị trấn B. Chị Tr xin số điện thoại của T và liên lạc với T. T cho chị Tr số điện thoại của L1 (L2) 0949548357, Sau đó chị Tr liên lạc qua điện thoại với L1 để hỏi mua đất, đồng thời yêu cầu L1 dẫn đi xem thực địa. T bảo L1 liên lạc với chị Tr và đưa ra giá bán là 670.000.000 đồng. Qua nhiều lần thương lượng, chị Tr không đồng ý với giá trên. Chị Tr kể lại cho chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Anh N biết và đưa số điện thoại của L1 cho chị Th, anh N.

Giữa tháng 4/2017, chị Th điện thoại cho L1 hỏi mua đất rừng trồng Trà. L1 đưa ra giá bán diện tích đất là 46.628m² với giá 700.000.000 đồng. Chị Th trả giá mua 650.000.000 đồng (*trong đó giá đất sang nhượng là 640 triệu đồng, chỉ phải làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 10 triệu đồng*) và đề nghị L1 làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất. L1 báo lại cho T, T đồng ý và bảo L1 yêu cầu anh N, chị Th phô tô hộ khẩu, chứng minh nhân dân để hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng và chị Th trực tiếp đưa giấy tờ đến nhà giao cho T.

Ngày 03/5/2017, ông L đến lại UBND xã V đưa hồ sơ và đơn xin chuyển đất vườn và đất màu sang đất nhà ở cho T. Dựa vào hồ sơ ông L cung cấp và các tài liệu về nhân thân của anh N, chị Th, ngày 08/5/2017 T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, người chuyển nhượng hộ ông Hồ Văn L và bà Hồ Thị Đ, người nhận chuyển nhượng anh Lê Anh N và chị Nguyễn Thị Th.

Ngày 08/5/2017, T đến nhà ông L đưa cho ông L bộ hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng T để phía trên là hồ sơ xin chuyển đất vườn và đất màu sang đất nhà ở của ông L, còn phía dưới là hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng Trà diện tích 46.628m² và yêu cầu ông L ký, ông L xem hồ sơ thấy đơn xin chuyển đất vườn và đất màu sang đất nhà ở đề ngày 06/3/2017 do ông L viết nên ông L tin tưởng, không kiểm tra mà ký xác nhận vào các giấy tờ trong bộ hồ sơ và đưa cho T. T ký giả chữ ký của bà Hồ Thị Đ (vợ ông L) và các con của ông L là thành viên của hộ sử dụng đất vào Hợp đồng chuyển nhượng và văn bản cam kết tài sản. Sau đó, T nhờ Võ Hải Q là cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. T đưa số điện thoại của Q cho L1 và đưa cho L1 xem giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất bản gốc mang tên Hồ Văn L nhằm củng cố lòng tin cho L1. T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L cho Q xem. Q đồng ý giúp T, Q đề nghị T làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định, các thủ tục tiếp theo Q sẽ giúp.

Ngày 16/5/2017, T trình ông Hồ Văn P - Chủ tịch UBND xã V ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Văn bản cam kết về tài sản liên quan đến đất rừng trồng tràm của hộ ông L. Ông Phúc đã ký chứng thực vào phần chứng thực và giao lại cho T. Sau khi ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng, T hẹn gặp L1 tại quán cà phê Ba Sao ở thị trấn H1, huyện V1 và giao bộ hồ sơ cho L1 và nhận từ T 01 phong bì để đưa anh Q. Sau đó, L1 liên lạc với anh N, chị Th, anh Q. Khi gặp Q, L1 đưa hồ sơ cho Q kiểm tra, Q thấy bên nhận chuyển nhượng chưa ký nên đề nghị L1 phải thu thập đầy đủ chữ ký. Sau đó, L1 đưa hồ sơ lên nhà anh N, chị Th. Khi đến nhà anh N, chị Th, L1 đã đưa hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh N xem, anh N hỏi "*Tại sao chủ đất là ông Hồ Văn L*". L1 trả lời như hướng dẫn của T "*Đất này làm sổ đỏ năm 2009, vì trước đây làm sổ đỏ khó khăn nên em phải nhờ hộ ông Hồ Văn L ra đứng tên hộ em*". L1 yêu cầu tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng, anh N chỉ đồng ý đặt cọc 10.000.000 đồng. L1 điện thoại báo cho T. T đồng ý đặt cọc 10.000.000 đồng và bảo L1 liên lạc anh N, chị Th giao tiền đặt cọc. L1 quay lại nhà anh N, chị Th và anh N, chị Th thỏa T với L1 về số tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mỗi bên chịu một nửa và anh N, chị Th tiếp tục làm các thủ tục chuyển nhượng tiếp theo. L1 điện thoại hỏi T và T đồng ý. L1 đã nhận tiền đặt cọc 10.000.000 đồng và giao bộ hồ sơ cho anh N, chị Th. T bảo L1 nói anh N, chị Th đưa bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất về gặp Võ Hải Q.

Ngày 18/5/2017, anh N đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1 đưa bộ hồ sơ cho Q. Sau khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Q đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị nhận hồ sơ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng rừng diện tích 46.628m² đứng tên anh Lê Anh N và chị Nguyễn Thị Th do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp. Q đưa các tài liệu trên về Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1 để hoàn thiện những thủ tục hành chính và các nghĩa vụ tài chính theo quy định. Q trực tiếp nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân huyện V1. Tổng số tiền Q nộp chi phí làm hồ sơ chuyển nhượng cho anh N, chị Th hết 3.905.000 đồng.

Ngày 27/5/2017, Q liên lạc với L1 để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi gặp Q, T đưa một phong bì cho L1 để đưa cho Q. L1 nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Q, sau đó L1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T cất giữ.

Ngày 29/5/2017, T bảo L1 gặp T để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho anh N, chị Th và lấy tiền bán đất. L1 thuê xe của anh Lê Quý T1 ở khu phố 9, phường 1, thành phố Đ2 đi xã V. T đưa L1 đi xem vị trí thửa đất trước khi gặp anh N, chị Th và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N, chị Th cho L1.

L1 đến nhà anh N, chị Th và anh N đã yêu cầu L1 đưa đi xem thực địa thửa đất. L1 đã dẫn anh N đi xem thửa đất của ông L mà T đã dẫn L1 xem trước đó. Sau khi xem xong, tại nhà anh N, chị Th, L1 đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai bên thống nhất chi phí làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 10.000.000 đồng, anh N, chị Th giao cho L1 634.000.000 đồng. L1 viết giấy nhận tiền và giao giấy nhận tiền cho anh N giữ.

Toàn bộ số tiền L1 bỏ vào một bao màu đen, sau đó L1 điện thoại cho T, T gặp L1 và cùng nhau đến nhà hàng Trường Sơn để ăn uống. Trên xe ô tô L1 giao số tiền 634.000.000 đồng cho T. Sau khi ăn uống xong, T trả 900.000 đồng tiền thuê xe cho anh T1 và tiền ăn uống. T đưa L1 1.000.000 đồng và nói đó là tiền bồi dưỡng. Sau đó, L1 cùng anh T1 về lại thành phố Đ2.

T nộp vào tài khoản số 5043134697007 của T tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Quảng Trị số tiền 300.000.000 đồng và nộp số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản số 3906205157060 của T tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện V1, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân.

Ngày 14/6/2017, anh Hồ Văn Th1 (cháu ông L) đang khai thác Tràm thì xảy ra tranh chấp với anh N, chị Th. Chị Th điện thoại cho L1, L1 điện thoại cho T hỏi: *“Răng mà rừng bán cho họ rồi mà để họ chặt phá cây”*. T trả lời: *“Cứ yên tâm, việc ngoài này để anh lo, em cứ làm việc bình thường”* sau đó, chị Th điện thoại cho L1 liên tục. L1 điện thoại cho T thì T dặn L1: *“Chú mi đừng bắt máy, có gì anh gọi”*. T đã yêu cầu L1 thay số điện thoại khác nhưng L1 không đồng ý. Ngày 16/6/2017, T tìm gặp L1 và mượn điện thoại của L1 rồi tự ý đi thay sim số điện thoại của L1 từ số 0949548357 (L1 đang sử dụng) sang số 0944126345 để anh N, chị Th không thể liên lạc với L1. T đã trực tiếp tiến hành đăng ký thông tin chủ thuê bao 0944126345 nói trên với toàn bộ thông tin cá

nhân của T. L1 bắt đầu nghi ngờ và đã tiến hành ghi âm cuộc nói chuyện với T để có căn cứ xác định sự thật vụ việc. Ngày 11/8/2017, T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V1 để đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Kết luận giám định số 226/KLGD ngày 20 tháng 3 năm 2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận:

- Hình dấu tròn màu đỏ bên trong có nội dung “UBND XÃ V H. HUYỆN V1 T.QUẢNG TRỊ” trên tài liệu cần giám định A1, A2 với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh M do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký ghi tên Hồ Văn P trên tài liệu cần giám định A1, A2 với chữ ký của Hồ Văn P trên tài liệu mẫu so sánh M là chữ của một người ký ra.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 803/KLGĐTC ngày 07/9/2018, của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền Trung, Kết luận ra đối với Trần Viết T; trước, tại thời điểm gây án và thời điểm hiện tại:

- Về mặt y học: Tâm thần phân liệt thể paranoid (P20.0);

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản Kết luận giám định số 412/KLGD- PC54 ngày 31/7/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Hồ Văn L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết mang tên Hồ Văn L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký mang tên Hồ Văn H2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký mang tên Hồ Văn H2 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký mang tên Hồ Thị H3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký mang tên Hồ Thị H3 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký mang tên Hồ Văn T2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký mang tên Hồ Văn T2 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký mang tên Hồ Văn L3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký mang tên Hồ Văn L3 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra. Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên Hồ Thị X, Hồ Văn L4, Hồ Thị X1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký Hồ Thị X, Hồ Văn L4, Hồ Thị X1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại bản Kết luận giám định số 315/KLGD ngày 14 tháng 5 năm 2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới chữ ký mang tên Hồ Thị Đ dưới mục bên A trên tài liệu cần giám định mẫu

A1 (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Viết T trên tài liệu mẫu so sánh Mẫu M (Bản tự khai của Trần Viết T) không phải do cùng một người ký, viết ra. Không đủ cơ sở để kết luận các chữ ký dưới mục người cam kết trên tài liệu cần giám định mẫu A2 (Văn bản cam kết về tài sản) với chữ ký mang tên Trần Viết T trên tài liệu mẫu so sánh M (Bản tự khai của Trần Viết T) có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại Bản Kết luận giám định số 356/KLGD ngày 03 tháng 6 năm 2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Những người có mẫu chữ ký; chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không ký, viết ra chữ ký, chữ viết dưới chữ ký mang tên Hồ Thị Đ dưới mục Bên A trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1). Không đủ cơ sở để kết luận những người có mẫu chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 có ký ra các chữ ký dưới mục người cam kết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) hay không. Tại Bản Kết luận giám định số 6403/C09-P6 ngày 14 tháng 12 năm 2018, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy tập tin có nội dung giống với nội dung trong văn bản mẫu so sánh trong ổ cứng mẫu vật gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 193/KLGD- PC09 ngày 06/6/2019 kết luận: Chữ ký “Đơ” và dòng chữ viết “Hồ Thị Đ” ngay dưới chữ ký này tại vị trí bên A của mẫu A1 với chữ viết, chữ ký tại mẫu so sánh M1, M2, M3, M4 (trừ phần xác nhận của Điều tra viên) không phải chữ của một người ký, viết ra. Không đủ cơ sở kết luận các chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh M1, M2, M3, M4 là chữ của một người ký ra hay không.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s, điểm q khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135 BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Viết T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- Xử phạt: Bị cáo Trần Viết T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến ngày

03/8/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2019, bị cáo T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T rút lại yêu cầu đề nghị xem xét đối với số tiền 634.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2020, ông Hồ Văn L có đơn đề nghị nhận lại giấy tờ, đất rừng và giải quyết cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Viết T có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử bị cáo Trần Viết T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Viết T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Viết T thừa nhận: Bị cáo có quan hệ thân thiết với ông Hồ Văn L, trú tại thôn K1, xã V, huyện V1. Khi ông L đến UBND xã V nộp đơn xin chuyển đổi đất vườn, đất màu sang đất ở và đơn xin cấp đất nhà ở thì bị cáo nảy sinh ý định làm giả bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng trồng trà diện tích 46.628m² của hộ gia đình ông L để bán cho người khác lấy tiền. Thông qua mối quan hệ với Phạm Ngọc L1, trú tại khu phố 9, phường Đ1, thành phố Đ2, bị cáo đã thực hiện toàn bộ hồ sơ thủ tục đề xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cho anh Lê

Anh N và chị Nguyễn Thị Th nhằm chiếm đoạt số tiền 634.000.000 đồng. Vì vậy, bản án hình sự sơ thẩm số 54/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử bị cáo Trần Viết T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Trần Viết T nguyên là cán bộ địa chính xã V, huyện V1 do thiếu rèn luyện tu dưỡng, lợi dụng sự tin tưởng của ông Hồ Văn L, có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 634.000.000 đồng, là phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, đối với bị cáo phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo việc cải tạo giáo dục cũng như răn đe phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 và tuyên xử bị cáo mức án 08 năm tù là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T rất thật thà khai báo, biết ăn năn, hối cải nhận thấy lỗi làm sai trái của mình, ngay sau khi đầu thú khai nhận hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện giao nộp, cung cấp bằng chứng, tài liệu như Laptop (vi tính), điện thoại và thực hiện đúng các yêu cầu của các cơ quan điều tra, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng điểm t, khoản 1 Điều 51 BLHS là bất lợi cho bị cáo. Ngoài ra, thiệt hại trong vụ án với số tiền 634.000.000 đồng đã được bị cáo cùng gia đình bồi thường toàn bộ. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nhận thấy bị cáo có 4 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết tại khoản 2 Điều 51 BLHS như: Bố mẹ đều là người có công với cách mạng và hiện bố đang bị tai biến nặng, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do có tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại phiên tòa, nên Cấp phúc thẩm có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo sửa án sơ thẩm về hình phạt.

[3]. Đối với đơn của ông Hồ Văn L đề nghị, xin nhận lại giấy tờ và đất rừng, giải quyết cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vấn đề này đã được cấp sơ thẩm đã giải quyết, ông liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để nhận lại sổ. Riêng việc giải quyết cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền của Tòa, đề nghị ông liên hệ với cơ quan hành chính địa

phương để được giải quyết theo quy định pháp luật. Cấp phúc thẩm không xem xét.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Viết T, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Trần Viết T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, q, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Viết T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến ngày 03/8/2018.

2. Bị cáo Trần Viết T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tồn